

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **238/2020/HSST**

Ngày: 03/11/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huế.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Trục và bà Trần Bích Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Ông Trương Công Khanh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 227/2020/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2020/QĐXXST-HS ngày 22/10/2020, đối với bị cáo:

*Trần Văn V*, tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/3/1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Xóm 6, Thôn L, Xã P, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ văn hoá: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn N, sinh năm 1962, con bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1958; vợ: Đã ly hôn; con: Có 01 con 13 tuổi.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình; học hết lớp 10/12 thì nghỉ học. Từ tháng 02/2001 đến tháng 01/2004, tham gia nghĩa vụ quân sự thuộc Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 3, Sư đoàn 324, Quân khu 4; sau khi xuất ngũ về địa phương sinh sống và làm nghề xây dựng cho đến ngày gây án.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/7/2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Anh Hồ Văn T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ 9, Khu vực 4, phường H, thành phố Huế, vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Hồ Thị B, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ 9, Khu vực 4, phường H, thành phố Huế, vắng mặt.

Chị Tống Khánh L, sinh năm 1993. Nơi cư trú: 35/64 Nguyễn Công T, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 26 tháng 5 năm 2020, Trần Văn V sau khi đã có uống rượu thì đi bộ lang thang với mục đích tìm kiếm việc làm. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, V đi bộ vào bên xe phía Bắc, phường A, thành phố Huế. Khi đi qua trước quầy tạp hóa trong bên xe, V phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 75L2-8452 đã cấm sẵn chìa khóa không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp để làm phương tiện đi lại. Thực hiện ý định, V lén lút lấy trộm, dắt xe ra rồi lên xe chạy về hướng huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế để đi tìm việc làm tại các công trình xây dựng. Khi V điều khiển xe mô tô ra đến địa phận huyện Phong Điền thì gây tai nạn giao thông. Anh Hồ Văn T sau khi phát hiện xe mô tô nói trên mà mình để trước quầy tạp hóa trong bên xe phía Bắc bị mất thì trình báo công an.

*Vật chứng thu giữ:* Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, số máy: 5C63-369775, số khung: 30AY-369772, biển số 75L2-8452.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 156 ngày 08/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, số máy: 5C63-369775, số khung: 30AY-369772, biển số 75L2-8452, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 9.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra công an thành phố Huế tiến hành trưng cầu giám định tâm thần xác định khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của Trần Văn V. Tại bản kết luận giám định số 737/KLGĐ ngày 27/8/2020 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực miền Trung kết luận:

Trước thời điểm gây án:

- Về y học: Rối loạn loạn thần trong rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng rượu (F10.5);
- Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại thời điểm gây án:

- Về y học: Rối loạn loạn thần trong rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng rượu (F10.5).
- Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Thời điểm hiện tại:

- Về y học: Sức khỏe bình thường.
- Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

*Về xử lý vật chứng:* Qua tra cứu xác định xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 75L2-8452 do chị Tổng Khánh L đứng tên chủ sở hữu. Chị L bán cho chị Hồ Thị B nhưng không làm thủ tục sang tên. Tối ngày 25/5/2020, chị B cho T mượn để đi lại thì bị V lấy trộm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra quyết định xử lý vật chứng số 142 ngày 14/7/2020 trả lại xe mô tô cho chị Hồ Thị B.

*Về trách nhiệm dân sự:* Chị Hồ Thị B yêu cầu Trần Văn V bồi thường chi phí sửa xe do bị tai nạn là 1.060.000 đồng. Trần Văn V đã bồi thường đầy đủ. Chị B không có yêu cầu gì thêm, anh Hồ Văn T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 237/CT-VKS ngày 25/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Trần Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại xe mô tô cho chị Hồ Thị B nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho chị Hồ Thị B chi phí sửa xe do bị tai nạn là 1.060.000 đồng. Chị B không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 26/5/2020, tại trước quầy tạp hóa khu vực bến xe phía Bắc, phường A, thành phố Huế, Trần Văn V đã trộm cắp của anh Hồ Văn T 01 xe mô tô có giá trị 9.000.000 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố

đối với bị cáo Trần Văn V về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại, có thời gian làm nghĩa vụ quân sự, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nhất là trong tình hình tội phạm này càng gia tăng và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chung tại địa bàn thành phố Huế. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự 3 năm, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Nhận thấy bị cáo có thể tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, là phù hợp, đảm bảo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 75L2-8452 có giấy đăng ký đứng tên chị Tống Khánh L, chị L đã bán cho chị Hồ Thị B. Việc mua bán giữa chị L và chị B chưa được thực hiện thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị L xác định đã chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho chị B. Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại xe cho chị B là đúng pháp luật, chị B không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho chị Hồ Thị B chi phí sửa xe do bị tai nạn là 1.060.000 đồng. Chị B không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ:** Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

**Tuyên bố:** Bị cáo Trần Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt:** Bị cáo Trần Văn V 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn V cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Văn V cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Văn V phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

-TAND tỉnh TTHuế;  
-Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;  
-Phòng PV06 Công an tỉnh TTHuế;  
-Công an thành phố Huế;  
-VKSND thành phố Huế;  
-THA HS, THA DS;  
-Bị cáo, bị hại, người liên quan;  
-Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**



Tóm lại, tình tiết "*Phạm tội nhiều lần*" bao gồm năm nội dung sau:

1. Phạm tội nhiều lần là người phạm tội đã thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên, tác động đến cùng một đối tượng hoặc nhiều đối tượng khác nhau
2. Nếu tách ra từng hành vi phạm tội riêng lẻ thì mỗi hành vi ấy đã đủ các yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập.
3. Tất cả các hành vi phạm tội đó đều được quy định tại một điều luật cụ thể trong phần riêng BLHS, có thể cùng một khoản, có thể phạm tội ở các khoản khác nhau của cùng một điều luật.
4. Các hành vi phạm tội đó chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
5. Nếu điều luật có quy định về giá trị tài sản hoặc thiệt hại về tài sản thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng giá trị tài sản của các lần phạm tội cộng lại.

Về phần trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Quang bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Lê Thị Thuỷ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần xem xét xử phạt bị cáo một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề xuất tại phiên tòa, cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.